ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /2019/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 24 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 66 /TTr-SNN-TL ngày 16 /7 /2019 và Công văn số 1353/SNN-TL ngày 03/9/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước, các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai Quyết định này.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Văn Trăm

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 2;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bình Phước;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th qdqp 01-019).

Người ký: Ngô Quốc Huy
Cơ quan: Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản, Sở Tư pháp, Tỉnh Bình Phước
Chức vụ: Trưởng phòng
Thời gian ký: 25.11.2019 14:48:34 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2019/QĐ-UBND ngày 24 / 9 /2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đập cấp 1, cấp 2, cấp 3 và cấp 4* là cấp của các loại đập, được quy định tại Bảng 2 [Phân cấp công trình theo đặc tính kỹ thuật] Phụ lục 2 kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

2. *Vùng phụ cận* là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng tiếp giáp công trình thủy lợi, được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm bảo vệ an toàn công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

3. *Kênh chìm* là kênh có mặt cắt ngang kênh đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên.

4. *Kênh nổi* là kênh có mặt cắt ngang kênh đắp hoặc xây nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

5. *Lưu lượng kênh* là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải chuyển tải.

6. *Đập dâng* là đập hoặc tường chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu và cho phép dòng chảy tràn qua đập. *Bờ bao thủy lợi:* Là công trình phân vùng, ngăn nước để bảo vệ cho một khu vực.

7. *Công trình trên kênh* là những công trình cống, đập, xi phông, cầu máng... được xây dựng trong lòng kênh, hai bên bờ kênh có nhiệm vụ dẫn nước, điều tiết nước.

8. *Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, gồm:* Văn phòng, nhà điều hành, bến bãi, kho.

Chương II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác

1. Đập

Vùng phụ cận của đập được quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 40 Luật Thủy lợi. Vùng phụ cận đối với hai đầu vai đập được tính từ vị trí giao cắt của đập với mặt đất tự nhiên trở ra mỗi bên như sau: Đối với đập cấp I tối thiểu 40m; đập cấp II tối thiểu là 30m; đập cấp III tối thiểu là 20m; đập cấp IV tối thiểu là 10m.

2. Đập dâng

Vùng phụ cận của đập dâng được tính từ phần xây đúc cuối cùng của đập trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu: Đối với đập cấp đặc biệt tối thiểu là 150m; đập cấp I tối thiểu là 100m; đập cấp II tối thiểu là 50m; đập cấp III tối thiểu là 30m; đập cấp IV tối thiểu là 10m; vùng phụ cận đối với hai đầu vai đập tính từ vị trí giao cắt của đập với mặt đất tự nhiên trở ra mỗi bên tối thiểu 20m.

3. Bờ bao thủy lợi

a) Bờ bao độc lập: Tính từ chân bờ trở ra mỗi phía 02m.

b) Bờ bao và bờ kênh kết hợp: Xác định như đối với kênh.

4. Tràn xả lũ

Vùng phụ cận của tràn xả lũ (bao gồm cả tràn tự do và tràn có cửa van điều tiết): Phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây đúc ngoài cùng (đối với tràn kiên cố) và từ mép ngoài cùng của tràn (đối với tràn có kết cấu bằng đất) trở ra mỗi bên tối thiểu 50m đối với tràn có lưu lượng thiết kế lớn hơn 200m^3/s, 30m đối với tràn có lưu lượng thiết kế từ 20m^3/s đến 200m^3/s và 10m đối với tràn có lưu lượng nhỏ hơn 20m^3/s.

5. Trạm bơm

a) Đối với trạm bơm có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở vào.

b) Đối với trạm bơm không có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính là toàn bộ diện tích đất được nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

6. Kênh tưới, tiêu, cầu máng có lưu lượng nhỏ hơn 02m^3/s

a) Đối với kênh nổi, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra (hoặc từ mép ngoài thành cầu máng trở ra) như sau:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 0,5m^3/s, phạm vi vùng phụ cận từ 0,5m đến 01m đối với kênh đất, từ 0,3m đến 0,5m đối với kênh đã kiên cố, cầu máng;

- Kênh có lưu lượng từ 0,5m^3/s đến dưới 02m^3/s, phạm vi vùng phụ cận từ 01m đến 02m đối với kênh đất, từ 0,5m đến 01m đối với kênh đã kiên cố, cầu máng.

b) Đối với kênh chìm:

- Đối với kênh không có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh đối với mặt đất tự nhiên trở ra như sau:

+ Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 0,5m^3/s, phạm vi vùng phụ cận từ 0,5m đến 01m đối với kênh đất, từ 0,3m đến 0,5m đối với kênh đã kiên cố.

+ Kênh có lưu lượng từ 0,5m^3/s đến dưới 02m^3/s, phạm vi vùng phụ cận từ 01m đến 02m đối với kênh đất, từ 0,5m đến 01m đối với kênh đã kiên cố.

- Đối với kênh chìm có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường trở ra một khoảng như quy định đối với kênh không có đường quản lý.

7. Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên còn phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông.

8. Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo các quy định trên, hành lang bảo vệ an toàn tuân theo tiêu chuẩn của đường dây tải điện hiện hành.

9. Đường ống dẫn nước, tuynel, xi phông

Vùng phụ cận là hành lang bảo vệ công trình được tính từ mép biên ngoài cùng ra mỗi bên: 02m đối với đường ống, tuynel, xi phông có lưu lượng nhỏ hơn 03m^3/s hoặc có đường kính trong dưới 1.500mm; từ 03m đến 05m đối với đường ống, tuynel, xi phông có lưu lượng từ 03m^3/s trở lên hoặc có đường kính trong từ 1.500mm trở lên và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến.

10. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây dúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt: Công trình xây dúc kiên cố, công trình đất.

11. Trường hợp công trình thủy lợi nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên, nằm trong phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng thì thực hiện theo quy định pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ khu vực an ninh quốc phòng.

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện Quy định này và các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác có liên quan.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi lập phương án bảo vệ công trình, tổ chức triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc thực hiện và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh.

2. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình; phối hợp với địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 Luật Thủy lợi.

5. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra xử lý theo quy định các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, tham gia cứu hộ, cứu nạn khi công trình xảy ra sự cố, tình huống khẩn cấp.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và quy định này trên địa bàn để các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và người dân được biết để thi hành.

2. Chỉ đạo, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cắm mốc chỉ giới trên thực địa.

3. Căn cứ vào quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan, Ủy ban Nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xử lý.

4. Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và quy định này để Nhân dân biết, thực hiện.

2. Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cắm mốc chỉ giới trên thực địa đối với các công trình nằm trên địa bàn.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

4. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi được bàn giao; phối hợp thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước và các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi

1. Lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 41 Luật Thủy lợi.

2. Lập phương án cắm mốc chỉ giới các công trình thủy lợi đang khai thác nhưng chưa cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Thủy lợi và Chương IV Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện nơi có công trình, rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

4. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và báo cáo các cấp có thẩm quyền để xử lý vi phạm; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện quy định này trên địa bàn quản lý.

5. Kiểm tra, rà soát để thực hiện ngay việc treo biển báo giới hạn tải trọng hoặc cấm các phương tiện giao thông có tải trọng vượt giới hạn lưu thông qua cầu, cống tại các công trình thủy lợi chưa có biển báo hoặc bị mất, bị hư hỏng.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết và điều chỉnh cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Văn Trăm